

Số: /BC-BNN-CN

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

Thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định).

Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng SPS để xin ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Bộ Nông nghiệp đã gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đồng thời, Bộ đã tổ chức 03 Hội nghị chuyên đề, khảo sát thực tế và làm việc tại một số địa phương, tổ chức, doanh nghiệp để hoàn thiện các nội dung của dự thảo Nghị định.

Tính đến hết ngày 28/12/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nhận được 80 văn bản góp ý của Bộ, ngành, đơn vị thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức, cá nhân. Đa số các ý kiến nhất trí với sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và nội dung của dự thảo Nghị định. Một số ý kiến góp ý cụ thể các nội dung tại dự thảo Nghị định. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổng hợp, tổ chức nghiên cứu, tiếp thu, giải trình nghiêm túc tất cả các ý kiến và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý nhà nước.

Sau đây, Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi như sau:

I. Một số vấn đề chung

1. Về giải thích từ ngữ

Có ý kiến đề nghị biên tập, thể hiện lại định nghĩa về chất mới trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cho rõ ràng và dễ hiểu hơn.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã rà soát và chỉnh lý giải thích từ ngữ về chất mới trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cho phù hợp hơn. Theo đó, điểm c khoản 1 dự thảo Nghị định quy định: *“Chất mới trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật chưa có trong Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam”*.

Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa định nghĩa về “loa phóng” không bao gồm vị trí đặt của thiết bị này; ý kiến khác đề nghị phải quy định rõ phạm vi đặt loa phóng.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên, điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 13 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về giải thích từ ngữ về loa phóng như sau: *“Loa phóng là thiết bị âm thanh để dẫn dụ chim yến, được đặt xung quanh lối ra, vào của chim yến”*.

2. Quy định chung về hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính

Có ý kiến đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định về ngôn ngữ, pháp lý của hồ sơ, tài liệu thực hiện thủ tục hành chính cho phù hợp với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định đã được nghiên cứu, chỉnh sửa như sau: *“Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ tiếng Anh thì phải dịch ra tiếng Việt và có xác nhận của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài không phải là tiếng Anh thì phải dịch thuật công chứng ra tiếng Việt”*.

II. Nội dung cụ thể

1. Quy định về thức ăn chăn nuôi

a) Trường hợp không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (khoản 3 Điều 1)

Một số ý kiến đề nghị nên xem xét việc không cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại ở hộ kinh doanh vì thực tế nhiều hộ kinh doanh có quy mô lớn hơn doanh nghiệp, đồng thời xem lại quy định loại trừ cấp GCN đối với cơ sở sản xuất thực phẩm có phụ phẩm từ quá trình chế biến thực phẩm làm TACN vì vẫn có các loại phụ phẩm không đủ điều kiện làm TACN.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên, dự thảo Nghị định đã bỏ “hộ kinh doanh” ra khỏi đối tượng sản xuất thức ăn truyền thống không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định cơ sở sản xuất thực phẩm không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN cho phù hợp hơn. Theo đó, chỉ có sản phẩm, phụ phẩm được tạo ra trong quá trình sản xuất thực phẩm có chất lượng phù hợp làm thức ăn chăn nuôi thì cơ sở sản xuất thực phẩm mới không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN.

b) Trình tự, thủ tục đánh giá giám sát cơ sở sản xuất TACN (khoản 4 Điều 1)

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về thời gian cơ quan nhà nước gửi thông báo cho tổ chức cá nhân để đánh giá giám sát; bổ sung quy định về trình tự, thủ tục đánh giá giám sát đột xuất.

Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, giải trình như sau:

Việc đánh giá giám sát là trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN và phải chủ động thực hiện đánh giá bảo đảm tần suất đánh giá theo quy định. Theo đó, khoản 4 Điều 1 Dự thảo Nghị định được tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng trước khi đến hạn đánh giá giám sát 06 tháng, cơ quan đánh giá thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thông báo, cơ quan đánh giá thành lập đoàn đánh giá và tổ chức đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở.

Đối với trình tự, thủ tục đánh giá giám sát đột xuất: Bộ Nông nghiệp và PTNT cho rằng đánh giá giám sát bao gồm đánh giá giám sát đột xuất và đánh giá giám sát định kỳ. Nội dung, thủ tục đánh giá giám sát đột xuất sẽ được thực hiện theo nội dung, thủ tục chung về đánh giá giám sát được pháp luật về chăn nuôi quy định. Do đó, không cần thiết bổ sung quy định về trình tự, thủ tục đánh giá giám sát đột xuất tại dự thảo Nghị định.

c) Đánh giá thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu, quy trình khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu (khoản 5 và khoản 6 Điều 1)

Một số ý kiến đề nghị làm rõ việc thực hiện thẩm định hồ sơ và đánh giá thực tế như thế nào; Cơ chế hoạt động của Hội đồng; bổ sung thêm thừa nhận Trung tâm kiểm định hiện có ở Việt Nam; xem xét thay việc thừa nhận phương pháp thử tại Phòng thử nghiệm nước ngoài bằng việc chấp nhận kết quả thử nghiệm của nhà sản xuất; Chi phí đánh giá sửa theo quy định của Bộ Tài chính.

Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, giải trình như sau:

- Về thẩm định hồ sơ và đánh giá thực tế: Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã rà soát, nghiên cứu và quy định cụ thể việc thẩm định hồ sơ và đánh giá thực tế thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: *“Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Chăn nuôi tổ chức Đoàn đánh giá để thẩm định hồ sơ và đánh giá thực tế tại phòng thử nghiệm (nếu cần thiết). Trường hợp đạt yêu cầu, trong hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, đánh giá, Cục Chăn nuôi ban hành quyết định thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu theo Mẫu số 14.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu có hiệu lực tối đa 05 năm”*.

Đồng thời, nghiên cứu, xem xét quy định việc đánh giá quy trình khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu tại khoản 6 Điều 1 cho phù hợp, tương đồng với việc thẩm định và đánh giá thực tế thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu.

- Đối với yêu cầu bổ sung thừa nhận Trung tâm kiểm định hiện có tại Việt Nam: Hiện nay, Trung tâm kiểm định ở Việt Nam hoạt động theo quy định tại Chương III Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, trong khi đó các phòng thử nghiệm hoạt động theo quy định tại Chương II Nghị định số 107/2016/NĐ-CP. Do đó, nội dung về thừa nhận các phòng thử nghiệm tại dự thảo Nghị định không quy định về thừa nhận các Trung tâm kiểm định ở Việt Nam là phù hợp.

- Đối với đề nghị thừa nhận phương pháp thử tại Phòng thử nghiệm nước ngoài bằng việc chấp nhận kết quả thử nghiệm của nhà sản xuất: Hiện nay, các quốc gia không thừa nhận kết quả thử nghiệm đối với phòng thử nghiệm của nhà sản xuất vì chưa được đánh giá năng lực, kết quả thử nghiệm không bảo đảm chính xác và khách quan; Hơn nữa, điểm c khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cũng đã quy định thừa nhận kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm tại nước xuất khẩu khi kiểm tra chất lượng TACN nhập khẩu. Do đó, ~~xin~~ được giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

- Đối với quy định về phí: Tiếp thu ý kiến nêu trên Bộ Nông nghiệp và PTNT đã rà soát dự thảo và chỉnh lý theo hướng “*Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của Đoàn do tổ chức, cá nhân đăng ký thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu chi trả theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí*”.

d. Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan (khoản 7 Điều 1)

Một số ý kiến đề nghị ghép nội dung Điều 18a vào Điều 17 Nghị định 13/2020/NĐ-CP và làm rõ một số nội dung như: Thời gian gửi danh sách cơ sở kiểm tra tới địa phương để chủ động lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm; phân định rõ phạm vi kiểm tra của Sở Nông nghiệp và PTNT và Cục Chăn nuôi; bổ sung cụm từ thời hạn trong việc xác định sản phẩm lựa chọn kiểm tra; bổ sung quy định kiểm tra đột xuất; Rà soát nội dung Điều 18a với Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; xem xét lô hàng vừa phải công bố hợp quy vừa phải kiểm tra sau thông quan là không tạo điều kiện cho doanh nghiệp; Đề nghị xác định mối quan hệ, sự trùng lặp, phù hợp pháp luật, phương thức đối với “Kiểm tra nhà nước chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan (Điều 18a) với “Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường”

Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, giải trình như sau:

Điều 17 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định kiểm tra chất lượng TACN sản xuất và lưu hành trong nước là quy định chung cho kiểm tra chất lượng TACN sản xuất, lưu thông trên thị trường. Quy định này đang thực hiện song song với quy định hiện hành về kiểm tra chất lượng từng lô TACN nhập khẩu (có nghĩa là hàng hóa khi nhập khẩu đã được kiểm soát chất lượng). Tuy nhiên, theo xu hướng chung về cắt giảm thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư, kinh doanh theo yêu cầu của Chính phủ, nhất là hiện nay dự thảo Nghị định về kiểm tra chuyên ngành do Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng. Trường hợp Chính phủ thông qua Nghị định này thì việc kiểm tra chất lượng đối với TACN nhập khẩu sẽ chỉ phải thực hiện ở lần nhập khẩu đầu tiên và cấp số đăng ký hợp quy. Từ lần nhập khẩu sau, đối với sản phẩm cùng loại, của cùng doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu chỉ kê khai để được thông quan. Đối với nguyên liệu TACN nhập khẩu thì được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng. Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN từ năm 2017 đến nay đã phát hiện và xử lý nhiều lô hàng vi phạm chất lượng, hàng giả¹. Trong khi đó, Việt Nam nhập khẩu khoảng 20 triệu tấn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi mỗi năm, do đó, việc bổ sung quy định về kiểm tra nhà nước chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan để bảo đảm kiểm soát chất lượng TACN nhập khẩu, đặc biệt là nguyên liệu TACN nhập khẩu là cần thiết.

Việc quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan sẽ là cơ sở để tập trung nguồn lực và gắn trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương đối với quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, đồng thời nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp trong nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, nhất là khi quy định kiểm tra chuyên ngành chuyển từ phương thức tiền kiểm sang hậu kiểm và bảo đảm thực hiện thống nhất các nội dung về kiểm tra thức ăn nhập khẩu của các cơ quan quản lý trên phạm vi toàn quốc.

Bên cạnh đó, điểm c khoản 5 Điều 18a quy định Cục Chăn nuôi lập Chương trình kiểm tra và thông báo đến Sở NN và PTNT trong đó sẽ cụ thể các nội dung về đơn vị được kiểm tra, sản phẩm phải kiểm tra và cơ quan thực hiện việc kiểm tra. Đồng thời, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến về bổ sung quy định thời gian thông báo Chương trình kiểm tra, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định “*Trước ngày 30/10 hằng năm, Cục Chăn nuôi thông báo Chương trình kiểm tra tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*”.

¹ Năm 2017 phát hiện 59 lô vi phạm, xử phạt 2.020 triệu đồng, tái xuất và tiêu hủy 23 lô, trong đó có 3 lô thức ăn bổ sung (vi sinh vật, chất chống mốc, vitamin) là hàng giả; Năm 2018 phát hiện 55 lô vi phạm, phạt 2.199 triệu đồng, tiêu hủy và tái xuất 24 lô trong đó có 7/24 lô là hàng giả, có 7 lô bột thịt xương và bột gia cầm nhiễm Salmonella phải tái chế; Đã phát hiện 04 lô axit amin tổng hợp (Lysin, Methionin, Threonine), giá trị hàng tỷ đồng là hàng giả năm 2020 và năm 2021.

d) Bảo đảm quyền khiếu nại của doanh nghiệp đối với kết quả kiểm tra (khoản 9 Điều 1)

Có ý kiến đề nghị xem xét rút ngắn thời gian thông báo kết quả kiểm tra lần đầu từ 15 ngày xuống 7 hoặc 10 ngày; Giải thích rõ quy định thông báo kết quả kiểm tra lần đầu cho tổ chức, cá nhân phải bảo đảm trước khi lô sản phẩm hết hạn sử dụng ít nhất 15 ngày; bổ sung quy định việc lấy mẫu lại phải cùng địa điểm lấy mẫu lần trước, cùng số lô, ngày sản xuất, hạn sử dụng; Xem xét bỏ quy định Cục Chăn nuôi công bố phòng thử nghiệm được thử nghiệm lại để bảo đảm chặt chẽ và đúng với quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về kinh doanh hoạt động chứng nhận sự phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, giải trình như sau:

Hạn sử dụng của thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh là 60 ngày, vì vậy nếu không quy định thời gian lấy mẫu, thời gian gửi mẫu thì sẽ ảnh hưởng đến quyền khiếu nại của doanh nghiệp khi hàng hóa sắp hết hạn hoặc hết hạn sử dụng trong khi thời gian thử nghiệm một số chỉ tiêu lên đến 05 ngày. Đồng thời, để bảo đảm thời gian phân tích, trả kết quả của phòng thử nghiệm, thông báo kết quả thử nghiệm của cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp, khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “*Việc thông báo kết quả kiểm tra lần đầu cho tổ chức, cá nhân phải bảo đảm trước khi lô sản phẩm hết hạn sử dụng ít nhất 15 ngày (không áp dụng đối với trường hợp kiểm tra đột xuất theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra). Chậm nhất 02 ngày làm việc sau khi nhận được khiếu nại của tổ chức, cá nhân, cơ quan kiểm tra phải gửi mẫu để thử nghiệm lại.*”

Trường hợp cơ quan kiểm tra lấy lại mẫu thì phải xác minh rõ nguồn gốc hàng hóa để quyết định và phải chịu trách nhiệm về lấy lại mẫu theo quy định của pháp luật nên không cần quy định chi tiết về việc lấy mẫu lại.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đối với quy định về Phòng thử nghiệm lại, dự thảo Nghị định đã bỏ quy định “Cục Chăn nuôi quyết định phòng thử nghiệm thử nghiệm lại” vì việc xác định năng lực của từng phòng thử nghiệm cho từng phép thử sẽ rất khó khả thi khi số lượng phép thử trong lĩnh vực TACN là rất lớn (gần 200 phép thử) và chưa có quy định cụ thể. Trong khi đó, các Phòng thử nghiệm được chỉ định đều đáp ứng quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

e) Trình tự kiểm tra nhà nước về TACN nhập khẩu (khoản 7 Điều 1)

Có ý kiến cho rằng việc quy định trình tự kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được dẫn chiếu theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP là chưa cụ thể, chưa rút ngắn thời gian kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN, phát sinh những công việc không cần thiết cho cơ quan quản lý nhà nước. Vì vậy, nghiên cứu quy định cụ thể trình tự kiểm tra nhà nước tại dự thảo Nghị định này cho phù hợp hơn.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên, dự thảo Nghị định đã bổ sung nội dung sửa đổi quy định về trình tự kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu tại điểm a khoản 7 Điều 1. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về trình tự kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa, tiết kiệm thời gian, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu, phù hợp với chủ trương xã hội hóa của Chính phủ và giảm bớt công việc không cần thiết trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước nhưng vẫn kiểm soát được chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu.

g) Miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với TACN nhập khẩu

Một số ý kiến của Doanh nghiệp cho rằng: “lô hàng thức ăn chăn nuôi được miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng vẫn phải đánh giá chứng nhận hợp quy đối với từng lô hàng nhập khẩu. Điều này làm phát sinh thêm chi phí, thời gian của doanh nghiệp nhập khẩu và mất đi bản chất, ý nghĩa của việc miễn giảm kiểm tra. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định miễn công bố hợp quy đối với từng lô hàng được áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra tại dự thảo Nghị định để giảm chi phí đánh giá sự phù hợp và thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Nghiên cứu, tiếp thu ý nêu trên, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhập khẩu TACN, đồng thời nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm được áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về miễn giảm kiểm tra tại điểm b khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: *“Trong thời gian được miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, tổ chức cá nhân không phải thực hiện công bố hợp quy cho từng lô hàng nhập khẩu nhưng phải thực hiện đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này với tần suất 03 tháng 01 lô hàng nhập khẩu. Tổ chức cá nhân phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng đối với các lô hàng được áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra.”*

2. Quy định về cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam (khoản 12 Điều 1)

Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung đầy đủ các cửa khẩu được phép tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam; ý kiến khác đề nghị xem xét quy định “cảng biển tiếp nhận tàu nước ngoài” vì không rõ đối tượng quy định.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhập khẩu vật nuôi sống, giảm chi phí vận chuyển, kiểm soát nguy cơ lây lan dịch bệnh, đồng thời, nghiên cứu các quy định của pháp luật về cửa khẩu, cảng biển, dự thảo Nghị định đã bỏ quy định về “cảng biển tiếp nhận tàu nước ngoài” và chỉnh lý các nội dung về cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam tại khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau:

“2. Trừ trường hợp thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài có quy định khác, cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam bao gồm:

- a) Cảng hàng không quốc tế;
- b) Cửa khẩu biên giới đất liền: Cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính;
- c) Cảng biển đặc biệt, cảng biển loại I, cảng biển loại II và cảng biển loại III.”

3. Quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

a) Hồ sơ công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (điểm c khoản 13 Điều 1)

Có ý kiến đề nghị bỏ quy định “Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc bản cam kết không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân sản xuất đối với các sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi công bố thông tin” tại điểm c khoản 13 Điều 1 dự thảo Nghị định cho phù hợp với pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Tiếp thu ý kiến nêu trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã rà soát và bỏ quy định này tại dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chủ trương của Chính phủ về cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính.

b) Khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (điểm a khoản 14 Điều 1)

Có ý kiến đề nghị làm rõ trường hợp nào cơ quan có thẩm quyền cho phép tại quy định “Sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi lần đầu....hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép” và xem xét bổ sung thời hạn ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm.

Tiếp thu ý kiến về cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới chưa qua khảo nghiệm, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể thẩm quyền này cho Bộ Nông nghiệp và PTNT để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và thể hiện nội dung này như tại điểm a khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định.

Về thời hạn ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm: dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định cụ thể về thời hạn này tại điểm c khoản 14 Điều 1 như sau: *“Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm, Cục Chăn nuôi thông báo công khai Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm trên Cổng thông tin điện tử của Cục Chăn nuôi. Tổ chức, cá nhân được phép sản xuất, kinh doanh ngay sau khi có Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm”.*

c) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (điểm a khoản 15 Điều 1)

Có ý kiến của đề nghị cân nhắc phương thức quản lý cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên cơ sở xem xét tính pháp lý

(Luật Chăn nuôi quy định điều kiện đối với cơ sở sản xuất nhưng không đề cập đến việc cấp giấy chứng nhận), xem xét mức độ, tính chất rủi ro của sản phẩm để xác định sự cần thiết phải quản lý theo hướng cấp giấy chứng nhận. Ý kiến khác đề nghị phân cấp cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; bổ sung thành phần Đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

Bộ Nông nghiệp và PTNT giải trình, tiếp thu như sau:

- Luật Đầu tư năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 tại Phụ lục IV quy định “*Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, **chăn nuôi***” là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư quy định “*Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”. Hiện nay, việc quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được quy định tại Điều 62 và Điều 63 Luật Chăn nuôi và giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 30, 31 và 32 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Tuy nhiên, các nội dung này đều được ban hành trước khi Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành, vì vậy cần nghiên cứu, sửa đổi toàn diện các quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư năm 2020.

Hơn nữa, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cũng tương tự như các loại vật tư khác trong nông nghiệp như sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, tuy nhiên quy định, cách thức quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi còn thiếu, chưa đồng nhất với các loại vật tư khác. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự cạnh tranh bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, việc quy định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là cần thiết.

- Về việc phân cấp cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh cấp giấy đủ điều kiện: Hiện nay, mới chỉ có khoảng 20 cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, tồn tại ở một số địa phương. Đây là lần đầu tiên quy định việc cấp Giấy chứng nhận để quản lý cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, vì vậy cần thực hiện chặt chẽ, thống nhất. Bên cạnh đó, đa số các cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cũng đồng thời sản xuất thức ăn bổ sung. Hiện nay, việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung đang được Luật Chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP giao cho Cục Chăn nuôi. Do đó, để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, bảo đảm sự đồng bộ của hệ thống pháp luật và thống nhất công tác quản lý nhà

nước đối với sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, dự thảo Nghị định quy định Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

- Về thành phần Đoàn đánh giá điều kiện cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi: dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về thành phần Đoàn đánh giá tại điểm b khoản 9 Điều 32a (điểm a khoản 15 dự thảo Nghị định).

Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung cách thức thực hiện thủ tục hành chính đối với kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở.

Tiếp thu ý kiến nêu trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã rà soát và chỉnh lý đối với điểm d khoản 9 Điều 32a tại điểm a khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: *“Trình tự, thủ tục đánh giá giám sát: Trong thời gian 06 tháng trước thời điểm đánh giá giám sát, Cục Chăn nuôi thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thông báo, Cục Chăn nuôi thành lập đoàn đánh giá và tổ chức đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở theo quy định tại Mẫu số 09.MTCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá, cơ quan đánh giá ban hành Thông báo kết quả đánh giá theo Mẫu số 12.MTCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.”*

d) Điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (điểm b khoản 15 Điều 1)

Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bỏ Điều 32b được quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định vì cho rằng Luật Chăn nuôi không giao Chính phủ quy định nội dung này.

Bộ Nông nghiệp và PTNT giải trình như sau:

Các quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Luật Chăn nuôi và Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được ban hành trước khi Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành. Vì vậy, cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư năm 2020. Hơn nữa, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cũng tương tự như các loại vật tư khác trong nông nghiệp như sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, tuy nhiên quy định, cách thức quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi còn thiếu, chưa đồng nhất với các loại vật tư khác. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và thống nhất trong quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi với các vật tư nông nghiệp khác, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định là phù hợp. Đồng thời, Bộ Nông nghiệp báo cáo, xin ý kiến Chính phủ đối với nội dung này tại Tờ trình.

d) Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (điểm d khoản 15 Điều 1)

Có ý kiến cho rằng: Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định có 3 trường hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm là trong sản xuất, nhập

khẩu, lưu thông trên thị trường. Vì vậy, đề nghị rà soát, quy định nội dung về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Điều 32d cho phù hợp”.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã rà soát nội dung về kiểm tra chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa để chỉnh lý Điều 32d về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cho phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật tại điểm d khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định. Theo đó, dự thảo Nghị định chỉ quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu và kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trong sản xuất, lưu thông trên thị trường.

e) Cách thức quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

Đề nghị nghiên cứu, quy định các nội dung về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm để xử lý chất thải để giảm giá thành xử lý chất thải chăn nuôi; không nên đặt ra các quy định quá nghiêm ngặt như là đối với thực phẩm cho con người hay là thức ăn chăn nuôi cho vật nuôi; xem xét bỏ các giấy phép con, các khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải không cần thiết. Đồng thời, đề nghị cơ quan chuyên môn tập trung nghiên cứu ban hành các chỉ tiêu chất thải chăn nuôi sau khi đã qua xử lý, phù hợp với quy định bảo vệ môi trường có thể tái sử dụng làm phân bón... phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam cũng như thông lệ của thế giới.

Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, giải trình như sau:

Cũng như TACN, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thì sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có nguy cơ mất an toàn thực phẩm, ảnh hưởng tới sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường². Vì vậy, việc quản lý sản phẩm này cũng phải tương đồng với các loại vật tư khác trong nông nghiệp. Trên thực tế, nhiều trường hợp, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được sử dụng trực tiếp vào đường ăn uống của vật nuôi, tác động đến hệ tiêu hóa để giảm lượng chất thải, vì vậy sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có thể ảnh hưởng tới sức khỏe vật nuôi, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, qua đó, ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng. Do đó, việc quản lý chặt chẽ sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là cần thiết.

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý nêu trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã rà soát quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng đơn giản, lô gic, khoa học, dễ thực hiện để tạo điều kiện và nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm này, đồng thời vẫn kiểm soát được chất lượng, an toàn của sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

² Thông tư số 16/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Song song với việc hoàn thiện các quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng đã và đang hoàn thiện các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và tận dụng chất thải chăn nuôi như một nguồn tài nguyên cho hoạt động trồng trọt.

4. Một số ý kiến khác

a) Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi

Có ý kiến đề nghị đề nghị đưa Đông và Ròng đất ra khỏi Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi để quản lý theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp để quản lý các hoạt động bảo tồn, khai thác, nuôi nhốt, vận chuyển và thương mại được chặt chẽ, bền vững hơn; Ý kiến khác đề nghị bổ sung “ruồi lính đen” vào Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi vì hiện nay nhiều tổ chức, cá nhân đã nuôi để xử lý chất thải và lấy đạm để sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận thấy: Hiện nay, Đông và Ròng đất đã được nuôi tại các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã phê duyệt đề tài để khai thác và phát triển nguồn gen các vật nuôi này. Đồng thời, quy định của Luật Chăn nuôi cũng có quy định về ghi chép, lưu giữ thông tin và bảo đảm truy xuất nguồn gốc trong quá trình chăn nuôi... Do đó, không sửa đổi quy định về Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi tại dự thảo Nghị định.

b) Hệ số đơn vị vật nuôi

Có ý kiến đề nghị bổ sung một số loại vật nuôi khác như mèo, nai, nhím vào đối tượng tính hệ số đơn vị vật nuôi để xác định quy mô chăn nuôi. Ý kiến khác đề nghị xem xét cụm từ “chó nuôi để kinh doanh”; bổ sung ghi chú trong trường hợp đối với các loại vật nuôi khác khó kiểm đếm số lượng, khối lượng cá thể quá nhỏ hoặc quá trình chăn nuôi không gây ảnh hưởng nhiều đến môi trường (ong mật, đế, bọ cạp, tằm, giun quế...) thì không xem xét khi xác định quy mô chăn nuôi.

Bộ Nông nghiệp và PTNT giải trình như sau:

Mục đích quy định hệ số đơn vị vật nuôi để xác định quy mô chăn nuôi để kiểm soát hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là tác động của hoạt động chăn nuôi tới môi trường. Trong khi đó, mèo là đối tượng vật nuôi chủ yếu tại các hộ gia đình, hiện nay không có cơ sở chăn nuôi mèo với số lượng và quy mô lớn gây ô nhiễm tới môi trường xung quanh. Đối với các loài vật nuôi như nai, nhím... đang được quản lý theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Do đó, không bổ sung các đối tượng này vào Phụ lục hệ số đơn vị vật nuôi tại dự thảo Nghị định.

Đối với chăn nuôi chó, tại Việt Nam ngày càng xuất hiện nhiều trang trại chăn nuôi chó để cung cấp các mục đích như nuôi để làm cảnh, trông giữ nhà, trang trại hay phục vụ mục đích khác. Ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi chó chủ yếu là từ các trang trại chăn nuôi để kinh doanh; đối với nuôi chó làm cảnh,

trông giữ nhà, trang trại có phát sinh chất thải nhưng không làm ô nhiễm môi trường. Do đó, việc đưa “chó nuôi để kinh doanh” vào đối tượng để tính hệ số đơn vị vật nuôi là phù hợp tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý.

Đồng thời, điểm a khoản 10 Điều 1 Dự thảo Nghị định quy định “Quy mô chăn nuôi được xác định bằng số đơn vị vật nuôi tại cùng một thời điểm đối với các loại vật nuôi được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này”. Như vậy, đối với động vật khác ngoài Phụ lục III thì không phải xác định quy mô chăn nuôi.

c) Nuôi chim yến

Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung Giao Bộ nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chi tiết về tập tính hoạt động của chim yến vào dự thảo Nghị định để thuận lợi cho việc xây dựng vùng nuôi chim yến tại địa phương cho phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và PTNT giải trình như sau:

Chim yến thuộc động vật khác trong chăn nuôi, hoạt động nuôi chim yến hiện nay chủ yếu là hoạt động dẫn dụ chim yến về làm tổ để thu hoạch tổ yến. Trong thời gian tới, Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các hướng dẫn chi tiết về quản lý hoạt động nuôi chim yến cho phù hợp.

Bên cạnh những vấn đề chính nêu trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, tiếp thu từng ý kiến góp ý, đồng thời rà soát chính tả, kỹ thuật văn bản để hoàn thiện dự thảo Nghị định và các tài liệu có liên quan phù hợp với nội dung dự thảo Nghị định.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Nông nghiệp – VPCP (để p/h);
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến